

Số: 08/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, theo danh sách kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng, Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, Hoàng, NCPC (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị hành chính cấp huyện	Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	
				Số lượng thành viên được giao	Số lượng thành viên được tiếp tục sử dụng
Thành phố Bắc Kạn	1	Xã Dương Quang	3	11	1
	2	Xã Nông Thượng	5	15	2
	3	Phường Xuất Hóa	3	9	0
	4	Phường Huyền Tung	6	18	5
	5	Phường Đức Xuân	7	22	3
	6	Phường Phùng Chí Kiên	7	22	0
	7	Phường Sông Cầu	8	25	4
	8	Phường Nguyễn Thị Minh Khai	5	17	3
	Tổng			44	139
Huyện Ba Bể	1	Xã Chu Hương	6	18	1
	2	Xã Cao Thượng	3	9	2
	3	Xã Địa Linh	4	12	0
	4	Xã Bành Trạch	4	13	0
	5	Xã Khang Ninh	5	15	0
	6	Xã Nam Mẫu	3	9	2
	7	Xã Yên Dương	3	9	3
	8	Xã Mỹ Phương	5	15	2
	9	Xã Thượng Giáo	6	19	0
	10	Xã Quảng Khê	4	13	2
	11	Xã Đồng Phúc	4	13	0
	12	Xã Hà Hiệu	4	12	1
	13	Xã Hoàng Trĩ	2	6	0
	14	Xã Phúc Lộc	5	17	0
	15	Thị trấn Chợ Rã	3	9	1
Tổng			61	189	14

Huyện Bạch Thông	1	Xã Nguyên Phúc	3	10	0
	2	Xã Vũ Muộn	3	10	3
	3	Xã Lục Bình	2	8	0
	4	Xã Vi Hương	3	9	2
	5	Xã Sỹ Bình	3	11	2
	6	Xã Quân Hà	5	15	2
	7	Xã Cẩm Giàng	3	9	2
	8	Xã Tân Tú	3	13	1
	9	Xã Quang Thuận	3	11	1
	10	Xã Dương Phong	3	9	1
	11	Xã Mỹ Thanh	2	7	0
	12	Xã Đôn Phong	3	10	3
	13	Xã Cao Sơn	2	6	2
	14	Thị trấn Phủ Thông	3	11	2
	Tổng			41	139
Huyện Chợ Đồn	1	Xã Ngọc Phái	2	7	2
	2	Xã Nghĩa Tá	3	9	3
	3	Xã Bằng Lãng	3	10	2
	4	Xã Phương Viên	3	9	0
	5	Xã Đồng Lạc	2	6	3
	6	Xã Bằng Phúc	3	9	3
	7	Xã Bản Thi	3	10	1
	8	Xã Đại Sảo	2	7	3
	9	Xã Lương Bằng	4	15	2
	10	Xã Quảng Bạch	2	8	1
	11	Xã Yên Phong	4	17	3
	12	Xã Yên Thịnh	3	10	2
	13	Xã Yên Mỹ	2	8	3
	14	Xã Bình Trung	4	15	3
	15	Xã Tân Lập	2	8	3
	16	Xã Đồng Thắng	5	22	1
	17	Xã Nam Cường	3	10	3
	18	Xã Yên Thượng	3	10	3
	19	Xã Xuân Lạc	4	14	3
	20	Thị trấn Bằng Lũng	7	25	3
Tổng			64	229	47
Huyện Chợ Mới	1	Xã Quảng Chu	3	13	2
	2	Xã Như Cố	2	11	3
	3	Xã Bình Văn	2	7	1

	4	Xã Yên Hân	3	10	1
	5	Xã Yên Cư	4	16	0
	6	Xã Thanh Thịnh	5	16	1
	7	Xã Nông Hạ	4	17	2
	8	Xã Cao Kỳ	3	13	2
	9	Xã Hòa Mục	2	8	3
	10	Xã Tân Sơn	2	6	1
	11	Xã Thanh Mai	4	14	2
	12	Xã Thanh Vận	2	7	3
	13	Xã Mai Lạp	1	5	2
	14	Thị trấn Đồng Tâm	4	12	1
	Tổng		41	155	24
Huyện Na Rì	1	Xã Lương Thượng	1	5	2
	2	Xã Văn Minh	2	10	0
	3	Xã Dương Sơn	4	13	1
	4	Xã Cư Lễ	3	14	2
	5	Xã Xuân Dương	3	9	2
	6	Xã Cường Lợi	3	10	0
	7	Xã Liêm Thủy	2	6	3
	8	Xã Côn Minh	3	14	3
	9	Xã Văn Vũ	6	22	3
	10	Xã Sơn Thành	6	19	2
	11	Xã Quang Phong	3	9	2
	12	Xã Kim Lư	4	13	1
	13	Xã Đồng Xá	3	13	2
	14	Xã Trần Phú	5	21	2
	15	Xã Kim Hỷ	3	10	1
	16	Xã Văn Lang	4	15	2
	17	Thị trấn Yên Lạc	6	19	3
		Tổng		61	222
Huyện Ngân Sơn	1	Xã Trung Hòa	2	8	1
	2	Xã Đức Vân	2	8	2
	3	Xã Thượng Ân	5	17	1
	4	Xã Hiệp Lực	5	16	1
	5	Xã Thuận Mang	4	17	2
	6	Xã Thượng Quan	4	15	0
	7	Xã Bằng Vân	4	14	2
	8	Xã Cốc Đán	5	21	0
	9	Thị trấn Vân Tùng	2	8	1

	10	Thị trấn Nà Phặc	6	22	1
		Tổng	39	146	11
Huyện Pác Nặm	1	Xã Giáo Hiệu	2	8	0
	2	Xã An Thắng	2	7	0
	3	Xã Nghiên Loan	5	15	0
	4	Xã Cổ Linh	4	12	3
	5	Xã Cao Tân	4	14	1
	6	Xã Bộc Bó	5	17	1
	7	Xã Nhạn Môn	2	8	1
	8	Xã Xuân La	3	9	1
	9	Xã Công Bằng	3	9	1
	10	Xã Bằng Thành	4	16	0
			Tổng	34	115